



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)**

**HỘI SỞ:**

Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên  
Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại : (84-24) 3944 5474  
Fax : (84-24) 3944 5475  
Email : [report@nsi.vn](mailto:report@nsi.vn)  
Website : <http://www.nsi.com.vn>

**CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ : 105 – 107 Nguyễn  
Công Trứ Quận 1, TP. Hồ  
Chí Minh  
Điện thoại : (84-28) 3821 7304  
Fax : (84-28) 3821 7305

**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 34B - Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-24) 3944 5474
- Số fax: (84-24) 3944 5475
- Website: <http://www.nsi.vn>

**2. Quá trình hình thành và phát triển:****2.1 Giấy phép kinh doanh:**

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy phép điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh số 196/UBCK-GP ngày 05/3/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/5/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép thay đổi địa điểm trụ sở chính số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

**2.2 Các mốc lịch sử quan trọng.**

Mốc thời gian	Sự kiện
11/12/2006	Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng



15/12/2006	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD với ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
25/12/2006	Công ty được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 32/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp
29/12/2006	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
12/01/2007	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
27/7/2007	Quyết định số 441/QĐ/UBCK về việc lập Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
23/8/2007	Quyết định số 480/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
19/7/2011	Công ty được chấp thuận đăng ký cung cấp dịch chứng khoán trực tuyến
09/01/2012	Quyết định bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc Công ty
24/4/2012	Quyết định số 392/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% Vốn điều lệ của Công ty
31/5/2012	Quyết định số 89/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
04/7/2012	Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty về số 34B - Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
18/7/2012	Đóng cửa Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
31/10/2012	Quyết định số 903/QĐ-UBCK về việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
13/11/2012	Quyết định số 936/QĐ-UBCK về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh về địa chỉ số 168 - Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
17/6/2013	Quyết định số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 về việc điều chỉnh

	giấy phép thành lập và hoạt động công ty (tăng vốn điều lệ Công ty lên 170.000.000.000 đồng).
15/5/2014,	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty: Bà Bùi Thị Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thay cho ông Nguyễn Quang Vinh (Căn cứ Nghị quyết số: 11/2014/HĐQT-NQ ngày 15/5/2014)
17/6/2014	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
05/9/2014	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (ông Nguyễn Hải Dương giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (theo Nghị quyết số: 45/2014/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 05/9/2014)
18/9/2014	Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
19/11/2014	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Bùi Thị Việt Hà.
28/08/2017	Bỏ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Hồ Anh Dũng
01/12/2017	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Quang Vịnh

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

#### 3.1 *Nghiệp vụ kinh doanh:*

- Môi giới Chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

#### 3.2 *Địa bàn kinh doanh:*

Hiện nay, Công ty có trụ sở tại Hà nội và có Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### 4.1 *Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.*

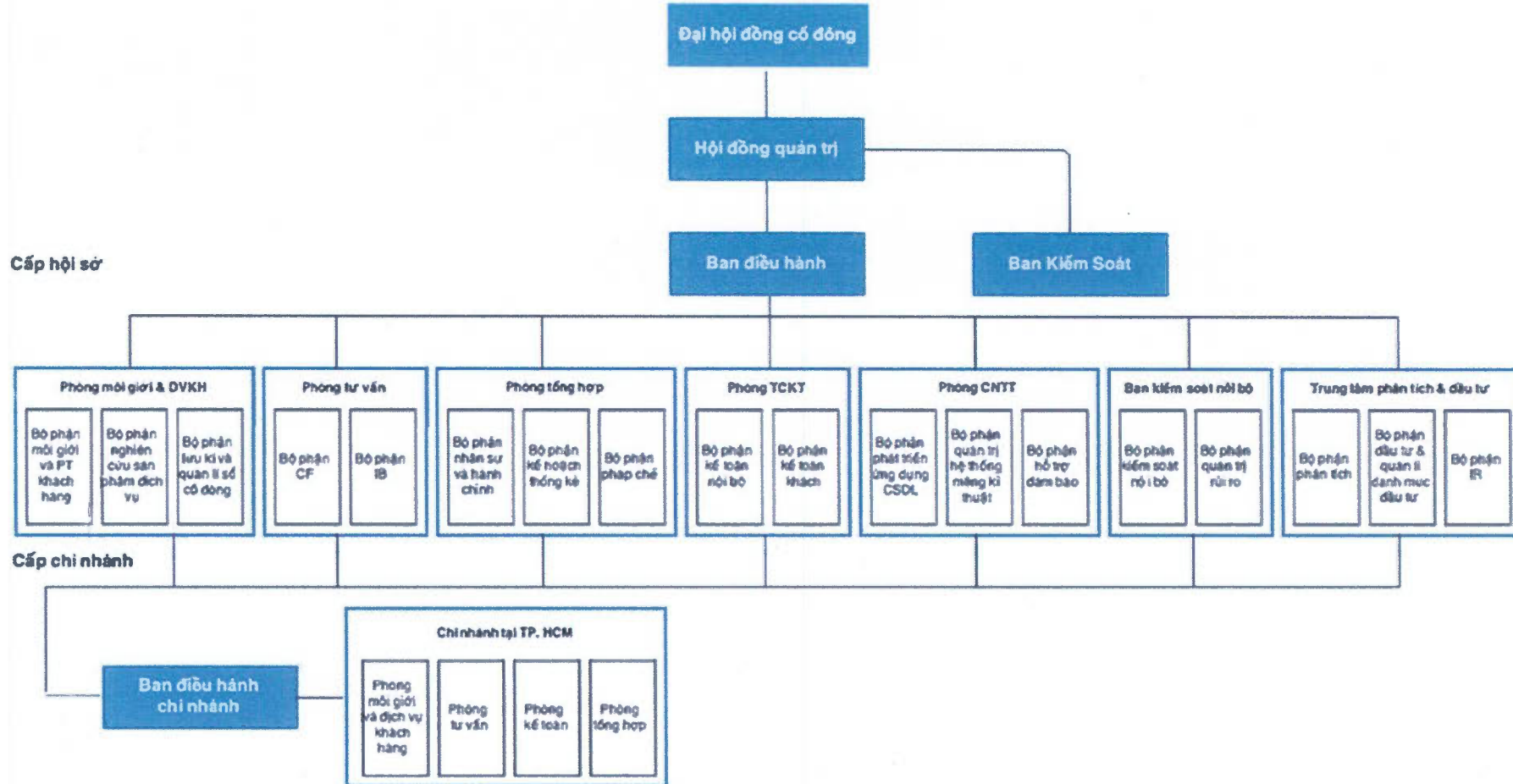


- Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia bao gồm: 1) Đại hội đồng cổ đông, 2) Hội đồng Quản trị, 3) Ban Kiểm soát, 4) Ban Tổng Giám đốc và 5) Các Phòng/ban chức năng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp, quản lý theo chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng phòng/ban trực tiếp giải quyết công việc của Phòng/ban đó.
- Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

#### **4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC - CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

**Đến cuối năm 2017**





**4.3 Các công ty con, công ty liên kết:**

Tính đến 31/12/2017, Công ty chưa thực hiện việc liên kết hay thành lập công ty con nào khác.

**5. Định hướng phát triển:**

Để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phát triển theo định hướng nâng cao năng lực tài chính, gia tăng đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán. Bên cạnh đó tiếp tục phát huy sức mạnh về con người và đặc biệt là đổi mới công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu đưa Công ty trở thành sự lựa chọn đáng tin cậy của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong, ngoài nước.

**5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Công ty sẽ kết hợp việc đầu tư ngắn hạn để tìm kiếm lợi nhuận với việc thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, thanh khoản cao và giảm thiểu rủi ro biến động quá lớn theo thị trường niêm yết, thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép;
- Triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp để tạo sự đột phá của hoạt động môi giới trên cơ sở phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục tận dụng những ứng dụng công nghệ để hoàn thiện gia tăng các tiện ích, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới;
- Phát triển mạnh mẽ hoạt động tư vấn;
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối đa hóa và đem lại các lợi ích thiết thực nhất cho các cổ đông;
- Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực tài chính, đảm bảo khả năng triển khai các nghiệp vụ kinh doanh với quy mô và độ phức tạp cao;
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, ngăn chặn kịp thời các khoản nợ xấu, nợ khó đòi;
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, năng động, gắn liền với hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động để nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu các rủi ro.

**5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Công ty phấn đấu từng bước nâng cao thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan với tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm. Bên cạnh đó



NSI xác định tôn chỉ hoạt động với lợi ích của khách hàng là cao nhất, mục tiêu đề cao là kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất.

- Phát triển thành Công ty Chứng khoán cung cấp đa dịch vụ ở Việt Nam.
- Liên kết và khai thác tốt khả năng bán chéo sản phẩm và cung cấp dịch vụ với các đối tác thân thiết của Công ty nhằm phát huy lợi thế về vốn, hệ thống dữ liệu khách hàng.

### **5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

NSI hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định của thị trường chứng khoán, tài chính nói riêng. Trong tương lai NSI phấn đấu đạt lợi nhuận cao và sẽ trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội.

## **6. Các rủi ro:**

### **6.1 Rủi ro hoạt động.**

#### **a) Mô tả rủi ro hoạt động của công ty**

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh, do các nguyên nhân khách quan khác.

#### **b) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro hoạt động của công ty**

Để kiểm soát hoạt động, yêu cầu tất cả các Cán bộ công nhân viên của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ hiện hành; Trưởng các khối nghiệp vụ thực hiện kiểm soát tại khối mình phụ trách để hạn chế rủi ro.

Toàn thể nhân viên Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia thường xuyên cập nhật thông tin, học hỏi và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để đảm bảo hạn chế các rủi ro hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

Rủi ro hoạt động được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia được đánh giá trên hệ thống kiểm soát nội bộ và đo lường trên hai phương diện: khả năng xảy ra, mức độ ảnh hưởng của rủi ro.

Ban Kiểm soát nội bộ kiểm tra các hoạt động hàng ngày và định kỳ kiểm tra giao dịch/ hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ để kiểm tra tính tuân thủ đối với các quy trình, quy chế, đồng thời kiểm tra tính hiệu quả của quy trình/ quy chế hiện hành để cập nhật quy trình/ quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động cho công ty.

### **6.2 Rủi ro về pháp luật.**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như: Luật doanh nghiệp,



Luật Chứng khoán, các Luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán...Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế.

Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách, của hệ thống pháp luật thì có thể sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn phải cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

### **6.3 Rủi ro đặc thù.**

Rủi ro về cạnh tranh: Sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán trong những năm qua đã dẫn đến tình trạng hiện nay là có quá nhiều công ty chứng khoán trong khi đó lượng khách hàng giao dịch thì gia tăng chậm do đó Công ty đã phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra các chính sách môi giới để giữ khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới.

### **6.4 Rủi ro thị trường**

#### **a) Mô tả rủi ro thị trường của công ty**

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Biểu hiện của nó chính là sự biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cả trên thị trường, chỉ số giá cổ phiếu, sự ảnh hưởng của nền kinh tế...

#### **b) Các công cụ tài chính nào chịu rủi ro thị trường: Không**

#### **c) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro thị trường của công ty**

Liên tục theo dõi diễn biến của thị trường về nền kinh tế, tỷ giá....

#### **d) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro thị trường của công ty**

Rủi ro thị trường được quản lý thông qua việc xác lập và kiểm soát các hạn mức rủi ro. Tổng hạn mức của các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động tạo thành mức chấp nhận rủi ro của Công ty, theo đó, hạn mức VAR cho rủi ro thị trường có thể được xác định theo phương pháp từ dưới lên hoặc từ trên xuống.

- Phương pháp từ dưới lên: Trên cơ sở số liệu VAR thống kê trong quá khứ, kế hoạch kinh doanh trong kỳ, diễn biến thị trường trong quá khứ và dự đoán trong tương lai, bộ phận



quản trị rủi ro thị trường đề xuất hạn mức VAR cho từng loại hình rủi ro. Cộng tổng các hạn mức VAR này sẽ ra hạn mức VAR cho rủi ro thị trường. Bằng phương pháp tương tự, sẽ xác lập được hạn mức rủi ro tín dụng và hoạt động. Sau khi đã có hạn mức của 3 loại rủi ro này, cộng tổng lại sẽ ra mức chấp nhận rủi ro của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

- Phương pháp từ trên xuống: Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chấp nhận rủi ro của Công ty. Trên cơ sở mức chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt, sẽ tiến hành phân bổ hạn mức cho 3 loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Sau khi có hạn mức cho rủi ro thị trường, bộ phận quản trị rủi ro thị trường sẽ thực hiện phân bổ cho từng loại rủi ro thị trường của từng sở căn cứ trên số liệu thống kê, kế hoạch kinh doanh và phân tích diễn biến thị trường.

### **6.5 Rủi ro thanh toán**

#### a) Mô tả rủi ro thanh toán của Công ty

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán nảy sinh khi Công ty thực hiện các giao dịch đầu tư tự doanh và Repo (Trên thực tế NSI chưa có nghiệp vụ này). Trong thanh toán, cũng nảy sinh rủi ro tín dụng, nó phụ thuộc vào uy tín tín dụng (credit rating) của đối tác mà Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có giao dịch.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro và quản trị rủi ro thanh toán của công ty  
Rủi ro thanh toán được đo lường trên các phương tiện: khả năng trả nợ của đối tác, tỷ lệ thu hồi nợ/ tổng công nợ; mức độ rủi ro và phân tích từng tình huống cụ thể.

Ban Kiểm soát nội bộ và phòng Kế toán xây dựng hạn mức tín dụng, hạn mức mở trong thanh toán đối với từng đối tác có giao dịch với Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia để trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Việc xây dựng hạn mức sẽ chi tiết đến từng đối tượng khách hàng qua đó ban Tổng Giám Đốc sẽ phân loại khách hàng phù hợp với từng thời kỳ để xác định uy tín tín dụng cho từng nhóm khách hàng trong mỗi giai đoạn.

Đo lường rủi ro thanh khoản chuẩn xác sẽ giúp cho Công ty CP Chứng khoán Quốc gia chủ động trước những cảnh báo có thể xảy ra.

### **6.6 Rủi ro thanh khoản**

#### a) Mô tả rủi ro thanh khoản của Công ty

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Phòng tài chính Công ty CP Chứng khoán



Quốc Gia có trách nhiệm quản lý dòng tiền theo thời gian đến hạn để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro; quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty Công cụ quản lý thanh khoản là dùng phân tích đến hạn của các dòng tiền vào (inflow) và dòng tiền ra (outflow) của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia theo kỳ hạn.

Dựa vào hệ số tài chính như hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh... và khung thời gian đáo hạn

Báo cáo về dòng tiền được Khối kế toán phụ trách và quản lý hàng ngày để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia

Để đo lường được rủi ro thanh khoản Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia còn dựa vào mức độ đa dạng hóa các loại tài sản và công nợ; khả năng thanh lý tài sản...

Trên hạn mức rủi ro thanh khoản đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có thể so sánh được trạng thái rủi ro thanh khoản hiện tại.

Rủi ro thanh khoản được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia đo lường định kỳ và thường xuyên.

### 6.7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể ảnh hưởng đến Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Kinh tế năm 2017 vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận. Kết thúc năm 2017 Công ty đạt lợi nhuận hơn 18,1 tỷ đồng trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt 14,4 tỷ đồng.

Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của NSI trong 3 năm vừa qua:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tăng trưởng (%)
Vốn điều lệ	170,000,000,000	170,000,000,000	170,000,000,000	0.00%
Vốn chủ sở hữu	157,346,780,100	171,100,441,174	185,536,596,339	8.44%
Tổng tài sản	160,872,086,054	174,219,893,825	188,853,859,021	8.40%



Doanh thu	25,753,185,737	35,301,216,047	41,135,556,262	16.53%
LN trước thuế	9,700,844,108	17,191,505,547	18,123,262,180	5.42%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015,2016,2017)

## 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

### Kết quả kinh doanh:

Kết thúc năm 2017, tổng doanh thu của công ty đạt 41,1 tỷ đồng (tương đương 100,77% kế hoạch), tổng chi phí là 23 tỷ đồng (tương đương 84,41% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế đạt 18,1 tỷ đồng (tương đương 133,95% kế hoạch).

### Thực hiện các mục tiêu khác:

- **Hoạt động môi giới:** Trong năm 2017 hoạt động môi giới đã nỗ lực thực hiện và đạt 113,58% kế hoạch đặt ra. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế lương kinh doanh theo doanh thu phù hợp hơn, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ bước đầu tạo được một số chuyển biến trong hoạt động môi giới của NSI. Tuy nhiên do nguồn vốn thực hiện các dịch vụ cho khách hàng còn hạn chế nên chưa thu hút được nhiều khách hàng lớn về công ty để giao dịch thường xuyên.
- **Hoạt động tư vấn tài chính:** Trong năm 2017 hoạt động tư vấn đạt 76,92% kế hoạch đặt ra là do trong năm công ty đang thực hiện nhiều hợp đồng tư vấn dở dang chưa kết thúc nên chưa phát sinh doanh thu, các khoản doanh thu sẽ được thực hiện trong 2018.
- **Hoạt động nhân sự (chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân sự cho Công ty):**  
 Với quy mô nhân sự tinh giảm, gọn nhẹ như hiện nay, NSI luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty. Công tác tuyển dụng được chú trọng và tập trung vào các vị trí thuộc bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiên cứu phân tích.
- **Công tác đào tạo được thực hiện phù hợp với từng vị trí công việc.** Trong năm 2017, NSI đã cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo về chứng chỉ hành nghề chứng khoán và khóa học chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Việc đầu tư cho công tác đào tạo vừa nhằm bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ vừa đảm bảo duy trì các điều kiện cấp phép theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và phục vụ cho việc xin cấp phép bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán cho Công ty. Đến cuối năm 2017, 100% cán bộ thuộc bộ phận kinh doanh đã tham gia



các khóa học đào tạo và dự kiến Quý II/2018 sẽ tham dự thi cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

- *Tiền lương*: Thực hiện trả lương theo thời gian và hiệu quả công việc. Năm 2017, mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp khó khăn nhưng Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Công ty vẫn đoàn kết hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017; đời sống việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo; chế độ lương thưởng cho người lao động được đáp ứng đầy đủ và kịp thời. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 10.200.000 đồng/người/tháng, giúp người lao động yên tâm công tác.
- Bước đầu xây dựng chính sách cải tiến tiền lương theo hướng đánh giá kết quả thực hiện công việc để trả lương theo kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức nhân sự:

2.1 Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Trình độ	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tóm tắt quá trình công tác		
					Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức danh công việc	Đơn vị công tác
Ban Tổng Giám đốc							
1	<b>Hồ Anh Dũng</b> Năm sinh: 1982 Giới tính: CMND: 001082006351; cấp ngày: 09/2/2015; Nơi cấp: Hà Nội	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế	0%	8/2017 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2016 - 7/2017	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2014 - 3/2016	Trưởng phòng Phân tích	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2010-2014	Trưởng phòng khách hàng tổ chức	Công ty Chứng khoán MB
					2009-2010	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	FPT Telecom
					2007-2009	Trợ lý Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc FPT	Công ty FPT
					2005-2007	Chuyên viên Thanh tra	Cục thuế Hà Nội
					2004-2005	Chuyên viên môi giới	Công ty Chứng khoán Sài Gòn
2	<b>Nguyễn Lâm Tùng</b>	Giám đốc CN. HCM	Thạc sỹ kinh tế	0%	2012 - nay	Giám đốc Chi nhánh	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2011-2012	Phó phòng Tư vấn	Công ty CP Chứng khoán Đại Dương
					2010-2011	Trưởng phòng Tư vấn	Chi nhánh Công ty CCK Sài Gòn – Hà Nội.



					2007-2010	Chuyên viên cao cấp tư vấn tài chính doanh nghiệp	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
Cán bộ quản lý khác							
3	<b>Phạm Thị Chiến</b> Sinh năm: 1984 Giới tính: Nữ CMND số: 162488774 Ngày cấp: 10/3/2008 Nơi cấp: Nam Định	Kế toán trưởng	Thạc sỹ Kinh tế	0%	1/2011 - nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2009 - 2/2010	Chuyên viên kế toán tổng hợp	Công ty CP Chứng khoán Đại Nam
					01/2007-3/2009	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC
					7/2006 - 2/2006	Nhân viên kế toán bán hàng	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC

## **2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:**

- 28/08/2017: Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Hồ Anh Dũng.
- 01/12/2017: Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Quang Vịnh.

## **2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong toàn Công ty:**

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2017 tổng số cán bộ nhân viên toàn Công ty là 36 người, bao gồm:

### *Hội sở chính:*

- Ban Tổng Giám đốc: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 5 người
- Phòng Tư vấn: 7 người

### *Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh:*

- Ban Giám đốc Chi nhánh: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 4 người
- Phòng Tư vấn: 3 người

### *Phòng/ban hỗ trợ khác:*

(Bao gồm cả Hội sở và Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh): 15 người

## **2.4 Chính sách đối với người lao động:**

### *Chính sách lương:*

Công ty luôn đảm bảo mặt bằng lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán hiện nay nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

### *Chính sách khen thưởng, phúc lợi:*

Được gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Các chế độ khen thưởng cụ thể trong năm 2017 như sau:

- + Thưởng lương tháng 13 theo kết quả kinh doanh công ty.
- + Thưởng cho các cá nhân có kết quả lao động tốt.
- + Thưởng nhân dịp các ngày lễ tết.
- + Chế độ nhân dịp các ngày sinh nhật, hiếu hỉ....

### *Chế độ bảo hiểm:*

Các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

### **3.1 Các khoản đầu tư lớn:**

Tính đến thời điểm 31/12/2017 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.



### 3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2017 Công ty không liên kết và chưa mở công ty con.

## 4. Tình hình tài chính:

### 4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2016,2017)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% +/-
Tổng giá trị tài sản	174,219,893,825	188,853,859,021	8.40%
Doanh thu thuần	35,301,216,047	41,135,556,262	16.53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17,191,505,547	18,123,262,180	5.42%
Lợi nhuận khác	-	-	
Lợi nhuận trước thuế	17,191,505,547	18,123,262,180	5.42%
Lợi nhuận sau thuế	13,753,661,074	14,436,155,165	4.96%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	809	849	4.94%

### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Lân

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng, giảm
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	54.57	55.74	2.14%
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	54.57	55.74	2.14%
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.0179	0.0176	-1.90%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.0182	0.0194	6.34%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0.00	0	0.00%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.2026	0.2178	7.50%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.3896	0.3509	-9.92%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0804	0.0844	4.96%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0789	0.0764	-3.17%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.4870	0.4406	-9.53%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016,2017)

#### 4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Nợ ngắn hạn năm 2017 của Công ty tăng so với 2016 đồng thời vốn lưu động của Công ty cũng gia tăng nên hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2017 tăng, bên cạnh đó hệ số thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 điều này cho thấy khả năng thanh toán của công ty nằm ở mức khá cao, công ty luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn. Đặc biệt khoản tiền và tương đương tiền của công ty lớn gấp lần 55,74 lần so với nợ ngắn hạn chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty rất tốt.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chỉ số nợ/ tổng tài sản, Điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của NSI.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2017 tăng 7,50% so với năm 2016 là do doanh thu năm 2017 tăng so với năm 2016. Điều này chứng tỏ công ty đang hoạt động ngày một tốt nên.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Chỉ tiêu ROE năm 2017 tăng so với năm 2016 là do trong năm 2017 công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế và sau thuế cao là do việc tăng doanh thu trong năm. Chỉ tiêu ROA giảm so với năm 2016 là do trong năm 2017 tuy lợi nhuận công ty có tăng nhưng nhỏ hơn tốc độ tăng của tổng tài sản. Có thể thấy khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu đã tăng cao hơn.

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### 5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 17.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

##### 5.2 Cơ cấu cổ đông (tính tại ngày 31.12.2017):

STT	Họ và tên	Số CMND giấy	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL	Đối tượng
1	Trần Việt Anh	033078000882	18/12/2015	13.500.000	90%	Cổ đông lớn
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	Cổ đông lớn



3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	Cổ đông lớn
---	-----------------	-----------	------------	---------	----	-------------

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần đầu năm	Tỉ lệ nắm giữ so với VDL đầu năm	Số lượng cổ phần cuối năm	Tỉ lệ nắm giữ so với VDL cuối năm	Lý do
1	Trần Việt Anh	033078000882	18/12/2015	13.500.000	90%	13.500.000	90%	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	850.000	5%	
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	850.000	5%	
	Tổng cộng			17.000.000	100%	17.000.000	100%	

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không**

**5.5 Các chứng khoán khác: Không**

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017
I	Doanh thu	41.135.556.262
1	Môi giới	9.390.499.123
2	Đầu tư	1.060.409
3	Doanh thu khác (tư vấn, lưu ký, ...)	31.743.996.730
II	Chi phí	23.012.294.082
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	13.173.781.166
2	Chi phí quản lý	9.838.512.916
III	Lợi nhuận khác	0
IV	Lãi/Lỗ	18.123.262.180

**1.1 Những công việc đã hoàn thành:**

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của công ty

- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động.
- Các chính sách về môi giới được hoàn thiện, chăm sóc khách hàng linh hoạt, phù hợp với sự phát triển của thị trường.
- Thực hiện cắt giảm tối đa các chi phí không hợp lý, các khoản chi phí đã được ổn định theo từng tháng, không có biến động lớn.
- Liên tục mở rộng số lượng khách hàng và tăng khách hàng giao dịch cho công ty.
- So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu thực hiện năm 2017 đã vượt 16,53%
- Chi tiết một số hoạt động nghiệp vụ như sau:

**Đối với nghiệp vụ môi giới:**

- Tiếp tục tìm kiếm và phát triển khách hàng mới: Trong năm 2017, Phòng Môi giới và dịch vụ khách hàng đã có nhiều cố gắng và tiến bộ trong hoạt động mở tài khoản của NSI. Số lượng tài khoản mở mới là 489 tài khoản, tăng gấp 10 lần so với năm 2016 (48 tài khoản). Đạt được kết quả này là do sự nỗ lực của Phòng trong công tác thu hút lượng khách mới và sự cộng hưởng bùng nổ của thị trường chứng khoán năm.
- Đã nghiên cứu và triển khai thành công một số sản phẩm dịch vụ mới để nhằm thu hút khách hàng và tăng giá trị giao dịch cho Công ty.

**Đối với nghiệp vụ tư vấn:**

- Trong năm 2017 doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 850 triệu đồng, tăng gấp hơn 6 lần so với năm 2016 (130 triệu), công ty ký thêm 12 hợp đồng tư vấn mới, thanh lý 04 hợp đồng tư vấn, trong đó một số hợp đồng tư vấn Công ty đang triển khai vẫn chưa ghi nhận doanh thu do hợp đồng chưa kết thúc.

**Hoạt động Phân tích:**

- Phát hành các báo cáo phân tích doanh nghiệp (equity research):
- Hoạt động phân tích đã chú trọng tiếp xúc doanh nghiệp, đánh giá hoạt động kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp, từ đó xây dựng mô hình định giá sâu sắc, thận trọng từ đó đưa ra khuyến nghị đầu tư.
- Chủ động liên hệ với các kênh thông tin trực tuyến nhằm mở rộng đối tượng nhà đầu tư biết tới công ty.



- Đánh giá nhanh các cơ hội đầu tư
- Với nguồn lực giới hạn, tuy nhiên bộ phận phân tích đã thực hiện đánh giá chi tiết khá nhiều cơ hội đầu tư trong khoảng thời gian ngắn, từ đó hỗ trợ cho hội đồng đầu tư trong việc nhanh chóng đưa ra quyết định đầu tư với các luận điểm và nghiên cứu sâu sắc.
- Hỗ trợ cho khối môi giới các báo cáo phân tích thị trường:
- Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày: cung cấp phân tích tổng quan về diễn biến thị trường trong ngày, đánh giá thanh khoản, xu hướng dòng tiền, sự biến động của các phân lớp cổ phiếu từ đó dự báo xu hướng thị trường trong phiên giao dịch tiếp theo.
- Báo cáo dự báo xu hướng thị trường trong tuần: tổng hợp các yếu tố thị trường diễn ra trong tuần từ đó kết hợp với các thông tin tài chính, vĩ mô, biến động trong tuần để đưa ra chiến lược đầu tư trong tuần tiếp theo.
- Báo cáo dự báo chiến lược đầu tư tháng: Đánh giá sâu sắc các nhân tố biến động thị trường và biến động vĩ mô diễn ra trong tháng, từ đó cập nhật dự báo xu hướng của nền kinh tế và một số ngành trọng điểm, kết hợp với các yếu tố trên thị trường để đưa ra chiến lược đầu tư tổng quát trong tháng cho nhà đầu tư.

## 1.2 Những hạn chế:

- Công ty chưa có đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán nên chưa thể triển khai các nghiệp vụ theo quy định của UBCK, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2017	31/12/2017
I Tài sản ngắn hạn	170.228.189.880	184.895.539.241
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	166.412.605.404	161.730.465.383
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.822.184	30.822.184
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.303.819.413	21.422.424.285
4. Hàng tồn kho	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.496.395.441	1.717.675.872

II Tài sản dài hạn	3.991.703.945	3.958.319.780
1. Tài sản cố định	978.118.616	482.348.331
2. Tài sản dài hạn khác	3.013.585.329	3.325.971.449
Tổng cộng tài sản	174.219.893.825	188.853.859.021

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017)

## 2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	01/01/2017	31/12/2017
I	Nợ ngắn hạn	3.119.452.651	3.317.262.682
1	Người mua trả tiền trước	537.000.000	349.500.000
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.670.825.597	1.848.390.983
3	Phải trả người lao động	877.460.042	877.460.042
4	Chi phí phải trả	22.000.000	27.666.666
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.987.435	203.758.254
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	0	0
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	179.577	179.577
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0
II	Nợ dài hạn		
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017)

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động....

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:



#### 4.1 Một số dự báo tình hình năm 2018.

##### **Kinh tế thế giới:**

- Theo báo cáo "Viễn cảnh Kinh tế Toàn cầu tháng 1/2018" vừa được WB công bố, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2018 được dự báo sẽ tăng và đạt mức 3,1%, tiếp tục thời kỳ tăng trưởng cao hơn dự đoán trong năm 2017. Tăng trưởng năm 2018 tăng nhờ đầu tư, công nghiệp chế tạo và thương mại đều hồi phục và do các nền kinh tế xuất khẩu nguyên vật liệu được hưởng lợi từ xu thế tăng giá các loại mặt hàng này.
- Tuy vậy, nhiều chuyên gia cho rằng đây chỉ là xu thế tăng tốc ngắn hạn. Về lâu dài, tăng trưởng tiềm năng, được tính bằng tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong trường hợp lao động và vốn được sử dụng hoàn toàn, chậm lại sẽ đe dọa tiềm năng cải thiện mức sống và công cuộc giảm nghèo trên thế giới.
- Tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống mức 2,2% trong năm 2018 do các ngân hàng trung ương sẽ giảm dần các biện pháp kích cầu sau khủng hoảng và xu thế tăng trưởng đầu tư bị chậm lại. Tăng trưởng tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển dự báo sẽ đạt 4,5% nhờ tăng trưởng tại các nước xuất khẩu nguyên vật liệu.
- Theo ông Jim Yong Kim, Chủ tịch WB, xu thế tăng trưởng rộng khắp trên toàn cầu là tín hiệu rất đáng mừng nhưng hiện nay chưa phải là lúc tự mãn. Đây là cơ hội đầu tư lớn vào nguồn vốn con người và cơ sở vật chất. Nếu các nhà hoạch định chính sách trên thế giới tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu thì họ có thể giúp đất nước mình nâng cao năng suất, tạo thêm việc làm và hoàn thành sớm mục tiêu xóa bỏ nghèo cùng cực và chia sẻ thịnh vượng.
- Các chuyên gia của WB cho rằng, chắc chắn năm 2018 sẽ là năm đầu tiên nền kinh tế thế giới hoạt động hết hoặc gần hết công suất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính. Dự kiến các hiện tượng trì trệ trong nền kinh tế sẽ không còn nữa, nên các nhà hoạch định chính sách cần có tầm nhìn xa hơn việc đơn thuần sử dụng các công cụ tiền tệ và tài khóa vốn chỉ thúc đẩy tăng trưởng ngắn hạn. Thay vào đó họ cần xem xét các sáng kiến thúc đẩy tăng trưởng tiềm năng dài hạn.
- Tình trạng suy giảm tăng trưởng tiềm năng là kết quả của nhiều năm suy giảm tăng trưởng năng suất, suy giảm đầu tư, và sự già hóa lực lượng lao động toàn cầu. Hiện tượng suy giảm tốc độ tăng trưởng diễn ra trên diện rộng, tác động tới các nền kinh tế chiếm tổng cộng 65% GDP toàn cầu. Nếu không tiếp thêm sinh khí cho tăng trưởng tiềm năng thì xu thế suy giảm có thể sẽ kéo dài tới tận thập kỷ tiếp theo, làm cho mức tăng trưởng toàn cầu bị sụt giảm ¼ điểm phần trăm và mức tăng trưởng thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển sụt giảm ½ điểm phần trăm trong cùng kỳ.



**Kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán:**

- Thị trường chứng khoán Việt Nam sau khi có sự phục hồi khá tốt năm 2016 đã tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2017, chỉ số Vnindex liên tục thiết lập đỉnh mới. Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/12, Vnindex đạt mức 984 điểm, là mức đóng cửa cao nhất trong 10 năm qua, kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vào năm 2007- 2008. Như vậy, tính từ đầu năm 2017 đến nay, chỉ số Vnindex đã tăng 319,2 điểm, tương đương với mức tăng khoảng 30%. Thanh khoản của thị trường cũng được cải thiện đáng kể, giá trị giao dịch trực tiếp trên hai sàn HOSE và HNX tăng 29%, từ mức bình quân 3.500 tỷ đồng/phiên lên 4.500 tỷ đồng/phiên. Quy mô thị trường cũng tăng mạnh, từ mức chỉ chiếm 50% GDP trong năm 2016 thì đến tháng 11/2017 đã chiếm 68% GDP. Số doanh nghiệp có vốn hóa trên 1 tỷ USD đã không còn hiếm, trong đó VNM đã vượt con số 10 tỷ USD, hay VIC cũng đạt sát ngưỡng này. Để có được kết quả ấn tượng đó trong năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam đã hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết, cụ thể là:

**Kinh tế vĩ mô chuyển biến tích cực:**

- Tăng trưởng GDP trong quý 3/2017 ở mức cao, đạt 7,46% và lũy kế 9 tháng đầu năm tăng 6,41% so với năm trước. Với kết quả này thì mục tiêu tăng trưởng 6,7% mà Quốc hội đặt ra năm 2017 là trong tầm tay. Đáng chú ý là chất lượng tăng trưởng GDP đang có sự dịch chuyển tích cực theo hướng bền vững khi không còn phụ thuộc nhiều vào ngành khai khoáng, xuất khẩu thô mà dịch chuyển sang những nhóm ngành có hàm lượng giá trị kinh tế cao như chế biến, chế tạo và dịch vụ (du lịch, khách sạn, tài chính,...);
- Tỷ giá USD/VND tương đối ổn định, trong đó tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước dao động ở vùng 22.400 đồng đến 22.500 đồng. Tỷ giá giao dịch tại các Ngân hàng Thương mại cũng không có nhiều biến động, giao dịch quanh với biên độ 1% quanh tỷ giá trung tâm.
- Lãi suất cho vay ổn định, duy trì ở mức thấp. Cụ thể, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến tại các NHTM ở mức 7% - 8%, cho vay dài hạn ở mức 10% -12%.
- Cán cân thương mại 9 tháng thặng dư 2,5 tỷ USD.
- Tăng trưởng tín dụng thực hiện được đến tháng 8/2017 đạt 10,8%; ước tính đến hết tháng 9 đạt 12,16%.

Sự chuyển biến tích cực từ kinh tế vĩ mô đã giúp cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tốt lên, niềm tin nhà đầu tư đã quay trở lại thị trường chứng khoán.

**Thị trường chứng khoán thế giới tiếp tục giai đoạn phục hồi:**

- Năm 2017 chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của thị trường chứng khoán thế giới, nhiều chỉ số chứng khoán lớn đều đạt mức đỉnh mới, trong đó chỉ số chứng khoán quan trọng của Mỹ là Dow Jones đã



lập đỉnh mới (cao nhất từ trước đến nay) ở mức 23.560 điểm vào tháng 11 và chỉ số Nikkei 225 của Nhật cũng lập đỉnh ở mức 22.700 điểm vào tháng 6 vừa qua.

- Sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường chứng khoán toàn cầu vừa củng cố tâm lý nhà đầu tư trong nước, vừa cho thấy dòng tiền đầu tư trên thế giới đã quay trở lại kênh chứng khoán sau khi xảy ra sự kiện Brexit và việc Mỹ tăng lãi suất vào năm 2016.

#### **Dòng tiền khối ngoại ồ ạt đổ vào thị trường chứng khoán:**

- Tính đến hết quý 3, Việt Nam đã thu hút 4,2 tỷ USD vốn đầu tư gián tiếp (FII). Nhà đầu tư nước ngoài đã rất mạnh tay mua cổ phần tại các doanh nghiệp lớn đầu ngành, điển hình như việc Quỹ Platinum Victory (Singapore) đã chi hơn 9.000 tỷ đồng để mua trọn lô 3,3% VNM từ tay SCIC, sau đó họ tiếp tục mua gom từ các quỹ đầu tư nước ngoài khác để tăng tỷ lệ sở hữu lên hơn 10% vốn điều lệ của VNM. Ngoài ra, các cổ phiếu khác cũng được khối ngoại mua vào với khối lượng lớn ngay trước và sau khi niêm yết cổ phiếu như VPB hơn 200 triệu USD, VRE trên 900 triệu USD (trong đó 380 triệu USD chuyển nhượng nội khối), VJC giá trị 170 triệu USD.
- Để thu hút được dòng vốn lớn này của nhà đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp đã rất nỗ lực, chủ động tổ chức Roadshow giới thiệu cơ hội đầu tư tại các Trung tâm Tài chính lớn như Singapore, Hongkong, London.

#### **Giải pháp hỗ trợ thị trường chứng khoán:**

- Nhà nước đã đưa ra nhiều giải pháp để hỗ trợ, thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển, điều đó giúp thanh khoản thị trường tăng lên và minh bạch hơn, cụ thể:
  - Rút ngắn thời gian thanh toán từ T+3 xuống còn T+2;
  - Doanh nghiệp sau khi thực hiện IPO 90 ngày phải niêm yết cổ phiếu;
  - Giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh (từ 10/8).

#### **Thoái vốn doanh nghiệp nhà nước:**

- Nhà nước đã và đang đẩy mạnh quá trình bán vốn tại các doanh nghiệp nhà nước, điển hình như: VNM, FPT, BMP, NTP, SAB, BHN, HVN, DVN, VEAM, IDICO, VCG, VGC,... và rất nhiều doanh nghiệp lớn khác sắp IPO là Becamex IDC, PV Power, PV Oil, Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR).
- Điểm đáng chú ý trong đợt thoái vốn này là lộ trình rất rõ ràng, đối với những doanh nghiệp nhà nước không cần thiết phải chi phối thì sẽ giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 50%, thậm chí là bán hết vốn trước năm 2020. Chính điều đó đã thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư lớn, cả trong và ngoài nước muốn mua tỷ lệ lớn để chi phối, điều hành hoạt động doanh nghiệp. Vì vậy mà những cổ phiếu nằm trong kế hoạch thoái vốn của nhà nước năm 2017 và 2018 đều tăng mạnh trong thời gian gần đây, điển hình như: VNM, SAB, FPT, BHN, DVN, VCG, VGC.



### Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị APEC 2017

- Hội nghị APEC 2017 được tổ chức tại Việt Nam với sự tham dự của lãnh đạo 21 nước thành viên, cùng với đó là đội ngũ doanh nhân, nhà báo, chính trị gia lên tới 10.000 người đã giúp cho Việt Nam quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc sẽ có một làn sóng đầu tư nước ngoài sẽ đổ bộ vào Việt Nam trong thời gian tới, như đã từng diễn ra sau khi chúng ta tổ chức APEC lần đầu tiên vào năm 2006.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã phản ứng khá tích cực với sự kiện APEC khi liên tục bứt phá lên các vùng đỉnh mới, dòng tiền vào mạnh giúp cho thanh khoản duy trì ở mức cao nhất kể từ đầu năm với giá trị giao dịch bình quân 4.500 tỷ đồng/phiên.

#### 4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở dự báo thị trường, quan điểm của Ban điều hành là từng bước tìm cơ hội để tận dụng đầu tư do đó Ban Tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
1	Sản lượng tiêu thụ						
-	Sản phẩm A						
-	Sản phẩm B						
-	.....						
2	Doanh thu	Tr.đồng	11,913	19,169	19,087	19,288	69,457
-	Trong đó:						
-	Môi giới chứng khoán	Tr.đồng	1,937	2,775	2,752	2,883	10,347
-	Đầu tư chứng khoán, góp vốn	Tr.đồng		6,000	6,000	6,000	18,000
-	Tư vấn	Tr.đồng	115	500	460	490	1,565
	Lưu ký chứng khoán	Tr.đồng	375	375	375	375	1,500
	Doanh thu khác	Tr.đồng	9,486	9,519	9,500	9,540	38,045
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4,606	10,607	10,590	9,893	35,696
4	ROA	%	1.53%	2.24%	2.19%	2.00%	7.22%
5	ROE	%	1.96%	2.60%	2.53%	2.31%	9.60%
6	ROS	%	30.93%	44.27%	44.39%	41.03%	41.11%
7	Vốn điều lệ	Tr.đồng	170,000	300,000	300,000	300,000	267,500
8	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	187,536	326,022	334,494	342,408	297,615

#### 5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán không có ý kiến loại trừ và ý kiến chấp nhận từng phần.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.



**1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả với mức lợi nhuận hơn 18,1 tỷ đồng. Kết quả này phần nào phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

**3.1 Công tác định hướng hoạt động:**

Năm 2018 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ
- Định hướng củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh 2018

**3.2 Công tác phát triển:**

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2018 đã đề ra
- Mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh và nâng cao hoạt động kinh doanh

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng Quản trị****1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu CP	Hình thức	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0	Thành viên Điều hành	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư và phát triển SaCom TGD Công ty Capella Group
2	Bà Nguyễn Thu Trang	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	850.000	5%	Thành viên độc lập	



**1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có**

**1.3 Hoạt động của hội đồng quản trị**

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, quyết sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị luôn theo sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 04 cuộc họp

*Nội dung và Quyết định/Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng Quản trị, như sau:*

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số:18/2017/HĐQT-NQ	26/06/2017	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
2	Số:18.2/2017/HĐQT-NQ	27/06/2017	Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
3	Số:21/2017/HĐQT-NQ	28/08/2017	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Hồ Anh Dũng.
4	Số:21/2017/HĐQT-NQ	01/12/2017	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Quang Vịnh.

**1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

- Ông Nguyễn Đình Thọ và Bà Nguyễn Thu Trang - Thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc duy trì chế độ báo cáo thường kỳ bằng hình thức văn bản, bằng dữ liệu điện tử các thành viên Hội đồng Quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành, chỉ đạo kịp thời với Ban Lãnh đạo Công ty.

**1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không**

**1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

Ông Nguyễn Hà Dương - Thạc sỹ Quản trị chuyên ngành Ngân hàng - Tà chính

**1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không**

**2. Ban kiểm soát****2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỉ lệ sở hữu cổ phần của Công ty
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	5%

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NSI cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo NSI về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của NSI, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của NSI.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của NSI, bám sát nhiệm vụ được giao.



**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/người/năm)
<b>I. Thù lao Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	240.000.000
2	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	12.000.000
3	Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	8.000.000
4	Trần Thị Thu Trang	Ủy viên HĐQT	20.000.000
<b>II. Thù lao Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0

STT	Tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/năm)
<b>Tiền lương của Ban Giám đốc</b>			
1	Hồ Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	441.385.000
2	Vũ Quang Vịnh	Phó Tổng Giám đốc	204.150.000
3	Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh	252.235.000

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

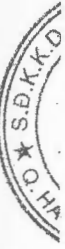
**3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

**3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Trong năm 2017 Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 33

110  
CỔ  
CÁ  
HỮ  
Q  
BA

110  
CỔ  
CÁ  
HỮ  
Q  
BA

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/06/2017)
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên
Bà Nguyễn Thu Trang	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2017)

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Hồ Anh Dũng	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2017)
Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2017)
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**



**Hồ Anh Dũng**  
**Tổng giám đốc**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

19  
H  
KH  
C  
NG  
AU



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số : 18 -18/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Kim Trinh**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2018-034-1

28  
T  
H  
A  
D  
H  
A  
T

Mẫu số B01-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)</b>	<b>100</b>		<b>184.895.539.241</b>	<b>170.228.189.880</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>183.177.863.369</b>	<b>168.731.794.439</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		161.730.465.383	166.412.605.404
1.1. Tiền	111.1	VI.1	161.730.465.383	166.412.605.404
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2			-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3.1	30.822.184	30.822.184
3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	VI.3.2	(8.109.053)	(15.452.562)
4. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.4	21.422.424.285	2.303.819.413
5. Các khoản phải thu khác	122		2.260.570	-
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>1.717.675.872</b>	<b>1.496.395.441</b>
1. Tạm ứng	131	VI.10	1.579.095.901	1.310.227.400
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.5	123.579.971	171.168.041
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	VI.9	15.000.000	15.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.958.319.780</b>	<b>3.991.703.945</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>482.348.331</b>	<b>978.118.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	35.885.873	89.056.831
- Nguyên giá	222		196.722.240	196.722.240
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(160.836.367)	(107.665.409)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	446.462.458	889.061.785
- Nguyên giá	228		4.910.008.794	4.910.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(4.463.546.336)	(4.020.947.009)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>150.000.000</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>3.325.971.449</b>	<b>3.013.585.329</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.5	7.381.964	12.374.937
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.6	3.318.589.485	3.001.210.392
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>188.853.859.021</b>	<b>174.219.893.825</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



Mẫu số B01-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>3.317.262.682</b>	<b>3.119.452.651</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.317.262.682</b>	<b>3.119.452.651</b>
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	VI.14	349.500.000	537.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.15	1.848.390.983	1.670.825.597
3. Phải trả người lao động	323		887.767.202	877.460.042
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.442.148	217.148
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.16	27.666.666	22.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.17	202.316.106	11.770.287
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		179.577	179.577
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>185.536.596.339</b>	<b>171.100.441.174</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>185.536.596.339</b>	<b>171.100.441.174</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		170.000.000.000	170.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		528.621.659	528.621.659
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		219.857.812	219.857.812
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.19	14.788.116.868	351.961.703
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		14.788.116.868	351.961.703
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>188.853.859.021</b>	<b>174.219.893.825</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiên

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B01-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết</b>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.21	17.000.000	17.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	VI.11	1.943	1.807
<b>B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.12	797.305.215.600	1.503.846.240.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		797.305.215.600	1.503.846.240.000
2. Tiền gửi của khách hàng	026		1.255.819.733	17.327.461.190
2.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027	VI.13	1.239.426.723	17.301.139.092
2.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	VI.13	4.008.956	3.996.782
3.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	VI.13	12.384.054	22.325.316
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		5.709.073	8.483.193
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		6.674.981	13.842.123
4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031	VI.18	1.255.819.733	17.327.461.190
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		1.044.297.011	17.291.723.833
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		211.522.722	35.737.357

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	VII.1	1.060.409	6.172.182
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		-	3.888.997
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		1.060.409	2.283.185
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		28.553.897.396	28.783.983.433
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		9.390.499.123	4.567.068.910
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1.549.021.026	838.267.661
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		850.000.000	130.000.000
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt;11)</b>	<b>20</b>		<b>40.344.477.954</b>	<b>34.325.492.186</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
		VII.3		
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(7.343.509)	3.888.997
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		(7.343.509)	3.888.997
2.2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	2.454.372
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		6.753.800.042	3.923.005.913
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		-	642.477.954
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		20.081.818	6.000.000
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32		6.407.242.815	3.372.236.059
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt;32)</b>	<b>40</b>		<b>13.173.781.166</b>	<b>7.950.063.295</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VII.2	791.078.308	975.723.861
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>791.078.308</b>	<b>975.723.861</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chi phí lãi vay	52		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -&gt; 55)</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>				
	61		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>				
	62	VII.4	9.838.512.916	10.159.647.205
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>18.123.262.180</b>	<b>17.191.505.547</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>18.123.262.180</b>	<b>17.191.505.547</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		18.123.262.180	17.191.505.547
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>3.687.107.015</b>	<b>3.437.844.473</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VII.5	3.687.107.015	3.437.844.473
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)</b>	<b>200</b>		<b>14.436.155.165</b>	<b>13.753.661.074</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		<b>14.436.155.165</b>	<b>13.753.661.074</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>849</b>	<b>809</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	501		849	809
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến



Hồ Anh Dũng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		18.123.262.180	17.191.505.547
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(302.651.532)	(497.307.435)
- Khấu hao tài sản cố định	03		495.770.285	478.245.239
- Các khoản dự phòng	04		(7.343.509)	2.454.372
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(791.078.308)	(978.007.046)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(22.963.546.069)	(2.347.546.272)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(19.306.104.872)	1.491.214.917
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		(2.260.570)	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(268.868.501)	38.739.099
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		5.666.666	
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		52.581.043	(33.802.512)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(3.817.833.887)	(3.437.836.050)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		-	81.993.905
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		1.225.000	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		308.292.258	159.520.824
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		10.307.160	435.475.828
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49			
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		190.545.819	(1.082.852.283)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(137.096.185)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	60		<b>(5.142.935.421)</b>	<b>14.346.651.840</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		(150.000.000)	(233.440.000)
5. Tiền thu về lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		610.795.400	978.007.046
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	70		<b>460.795.400</b>	<b>744.567.046</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	80		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)</b>	90		<b>(4.682.140.021)</b>	<b>15.091.218.886</b>
<b>V Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	101	VI.1	<b>166.412.605.404</b>	<b>151.321.386.518</b>
- Tiền	101.1		166.412.605.404	151.321.386.518
<b>VI Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	103	VI.1	<b>161.730.465.383</b>	<b>166.412.605.404</b>
- Tiền	103.1		161.730.465.383	166.412.605.404

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(tiếp theo)

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		11.535.223.135.219	1.443.466.360.100
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(11.551.294.786.218)	(1.554.051.157.700)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		6.778.204.035.240	126.832.962.173
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(6.776.657.903.808)	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.546.121.890)	(273.152.662)
<i>Tặng/giảm tiền thuận trong kỳ</i>	20		(16.071.641.457)	15.975.011.911
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	30	VI.12	17.327.461.190	1.352.449.279
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		17.327.461.190	1.352.449.279
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	32		17.301.139.092	915.340.904
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		3.996.782	1.116.301
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		22.325.316	435.992.074
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)</b>	40	VI.12	1.255.819.733	17.327.461.190
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		1.255.819.733	17.327.461.190
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		1.239.426.723	17.301.139.092
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		4.008.956	3.996.782
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		12.384.054	22.325.316

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Hồ Anh Dũng



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

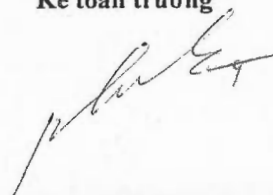
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2016		Năm 2017			
		01/01/2016	01/01/2017	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2016	31/12/2017
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		170.000.000.000	170.000.000.000	-	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		170.000.000.000	170.000.000.000	-	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		528.621.659	528.621.659	-	-	-	-	528.621.659	528.621.659
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		219.857.812	219.857.812	-	-	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(13.401.699.371)	351.961.703	13.753.661.074	-	14.436.155.165	-	351.961.703	14.788.116.868
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(13.401.699.371)	351.961.703	13.753.661.074	-	14.436.155.165	-	351.961.703	14.788.116.868
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>157.346.780.100</b>	<b>171.100.441.174</b>	<b>13.753.661.074</b>	<b>-</b>	<b>14.436.155.165</b>	<b>-</b>	<b>171.100.441.174</b>	<b>185.536.596.339</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Hồng Thương

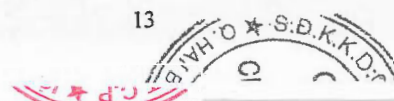
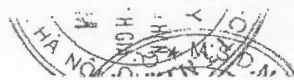
Phạm Thị Chiên



Tổng giám đốc

Hồ Anh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2006, Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012, Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015005 ngày 11 tháng 12 năm 2006 thì vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

Điều lệ Công ty chứng khoán ban hành ngày 15/12/2006 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 28/05/2012, ngày 12/03/2013 và ngày 31/05/2016.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### 3. Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Thực hiện Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và
  - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

### 4. Cấu trúc Công ty chứng khoán

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là đơn vị hạch toán báo số*

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại tầng 1, số 105 - 107 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị sử dụng trong kỳ kế toán

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 (Thông tư 210) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

**Ghi nhận vốn bằng tiền**

*Tiền gửi hoạt động của Công ty*

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (của Công ty) được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

*Tiền gửi của nhà đầu tư*

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý.

*Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán*

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là tiền gửi để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giữa Công ty và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán để thanh toán mua, bán chứng khoán.

**2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ**

**2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của Công ty**

**Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)**

*Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):*

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại của các nhà đầu tư.

**2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý hoặc giá gốc**

*Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):*

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được phản ánh trên cơ sở thuần (bằng giá mua hoặc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại):

- Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn tài sản tài chính đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

100  
TY  
AN  
HO  
GI  
3  
HAI

2  
G  
E  
V



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Các tài sản tài chính này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

### 2.3 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc suy giảm giá trị của các tài sản tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị thực tế có thể xác định được của tài sản tài chính nếu giá trị thực tế của tài sản tài chính được xác định theo giá trị niêm yết trên thị trường, giá trị thị trường đó phải được xác định tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài sản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

### 2.4 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là Giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo cáo của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

+ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần ngày đánh giá giá trị chứng khoán nhất.

+ Các chứng khoán không có giá trị thị trường được xác định theo các phương pháp nêu trên sẽ không được trích lập dự phòng.

## 3. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính này theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán và phần mềm giao dịch.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 10-15 năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phần mềm máy tính	03 - 15



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### **4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm phần mềm STP, được ghi nhận theo cơ sở giá gốc. Chi phí này được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí trả trước tiền nhà và trả trước các dịch vụ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian được quy định trong từng hợp đồng.

### **7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

#### **7.1 Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả người bán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản Phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### **7.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với các khối lượng giao dịch thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và Công ty. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh trên giấy phép của Công ty.

### **7.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

#### **Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

#### **Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Thuế, phí phải nộp khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **7.4 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản thù lao của Hội đồng quản trị, là chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

## **8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của Công ty**

### **8.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty, được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

### 8.2 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận của công ty chứng khoán

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ này.

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập của Công ty

Doanh thu của Công ty bao gồm thu nhập từ doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đầu tư,...)**

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

**Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý của Công ty

Chi phí quản lý của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho công tác quản lý; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

ÔN  
Đ  
/N  
U  
TR  
/ AN  
P. HA  
C.T.1  
HỆ  
NH GI  
M  
P. HA

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty**

**1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty:**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**2. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh toán khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**3. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro như: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

**VI. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính**

**1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	303.669.195	197.327.299
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	161.425.929.488	166.214.456.149
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	866.700	821.956
<b>Cộng</b>	<b>161.730.465.383</b>	<b>166.412.605.404</b>

**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch (VND)
<i>Của nhà đầu tư</i>	<i>86.252.727</i>	<i>1.262.989.667.100</i>
- Cổ phiếu	86.252.727	1.262.989.667.100



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Các loại tài sản tài chính**

**3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				
SJE	3.563.500	1.808.000	3.563.500	2.032.000
SD5	2.468.892	1.712.700	2.468.892	1.608.900
CIC	2.398.500	-	2.398.500	-
SD7	2.214.000	151.700	2.214.000	196.800
VSP	2.153.742	68.200	2.153.742	68.200
S55	1.926.144	5.888.000	1.926.144	7.468.800
HPC	1.911.985	-	1.911.985	-
VC2	1.751.040	1.632.000	1.751.040	1.516.800
SIC	1.518.264	1.501.500	1.518.264	4.719.000
STC	1.092.000	1.860.000	1.092.000	2.298.000
SD9	983.552	653.600	983.552	608.000
VTS	917.570	837.000	917.570	731.600
HNM	915.840	288.000	915.840	372.000
SAP	806.431	270.000	806.431	454.500
KLS	773.959	-	773.959	-
S99	595.371	418.700	595.371	387.100
VCB	585.068	434.400	585.068	283.600
PPC	322.148	159.250	322.148	116.900
DHA	299.700	297.900	299.700	266.400
BMC	288.800	45.000	288.800	45.600
MHC	251.500	61.200	251.500	56.880
TMC	232.380	156.000	232.380	222.000
REE	196.500	207.500	196.500	123.250
STB	176.748	102.800	176.748	75.600
POT	176.594	198.000	176.594	170.100
EBS	174.671	202.000	174.671	172.000
HBC	171.690	1.465.200	171.690	760.000
ITA	150.800	22.820	150.800	27.930
Các TSTC khác	1.804.795	32.263.530	1.804.795	12.181.310
<b>Cộng</b>	<b>30.822.184</b>	<b>52.705.000</b>	<b>30.822.184</b>	<b>36.963.270</b>

(\*): Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 29/12/2017 của các Sở giao dịch chứng khoán.

Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3.2 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng (cổ phiếu)	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay		
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính FVTPL</b>						
1	SD7	41	2.214.000	151.700	2.062.300	2.017.200	45.100
2	SJE	80	3.563.500	1.808.000	1.755.500	1.531.500	224.000
3	SD5	173	2.468.892	1.712.700	756.192	859.992	(103.800)
4	HNH	60	915.840	288.000	627.840	543.840	84.000
5	SAP	45	806.431	270.000	536.431	351.931	184.500
6	SD9	76	983.552	653.600	329.952	375.552	(45.600)
7	BMC	3	288.800	45.000	243.800	243.200	600
8	MHC	9	251.500	61.200	190.300	194.620	(4.320)
9	S99	79	595.371	418.700	176.671	208.271	(31.600)
10	PPC	7	322.148	159.250	162.898	205.248	(42.350)
11	VCB	8	585.068	434.400	150.668	301.468	(150.800)
12	CTN	11	143.040	8.800	134.240	134.240	-
13	ITA	7	150.800	22.820	127.980	122.870	5.110
14	VC2	96	1.751.040	1.632.000	119.040	234.240	(115.200)
15	KDC	1	130.150	39.500	90.650	93.800	(3.150)
16	VTS	62	917.570	837.000	80.570	185.970	(105.400)
17	TMC	12	232.380	156.000	76.380	10.380	66.000
18	STB	8	176.748	102.800	73.948	101.148	(27.200)
19	PET	1	77.050	11.800	65.250	66.750	(1.500)



Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3.2 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng (cổ phiếu)	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC		
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính FVTPL</b>					
20	LAF	3	103.200	38.700	64.500	(5.100)
21	UNI	7	105.448	41.300	64.148	(8.400)
22	RIC	6	103.264	41.040	62.224	26.160
23	TCR	6	68.094	19.980	48.114	6.120
24	KHP	4	72.020	39.200	32.820	4.400
25	SAM	9	93.472	65.970	27.502	(2.270)
26	PVT	2	56.833	37.700	19.133	(14.500)
27	SIC	143	1.518.264	1.501.500	16.764	16.764
28	VIP	1	19.588	8.150	11.438	(250)
29	DHA	9	299.700	297.900	1.800	(31.500)
30	CIC	90	2.398.500	-	-	(2.398.500)
31	VSP	62	2.153.742	68.200	-	(2.085.542)
32	S55	230	1.926.144	5.888.000	-	-
33	HPC	135	1.911.985	-	-	(1.911.985)
34	STC	60	1.092.000	1.860.000	-	-
35	KLS	-	773.959	-	-	(773.959)
36	POT	9	176.594	198.000	-	(6.494)
37	Cổ phiếu khác	388	1.375.497	33.786.090	-	(136.843)
	<b>Cộng</b>	<b>1.943</b>	<b>30.822.184</b>	<b>52.705.000</b>	<b>8.109.053</b>	<b>(7.343.509)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	196.722.240	196.722.240	
Số dư ngày 31/12/2017	196.722.240	196.722.240	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	107.665.409	107.665.409	
Khấu hao trong năm	53.170.958	53.170.958	
Số dư ngày 31/12/2017	160.836.367	160.836.367	
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2017	89.056.831	89.056.831	
Tại ngày 31/12/2017	35.885.873	35.885.873	

**8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	4.910.008.794	4.910.008.794	
Số dư ngày 31/12/2017	4.910.008.794	4.910.008.794	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	4.020.947.009	4.020.947.009	
Khấu hao trong năm	442.599.327	442.599.327	
Số dư ngày 31/12/2017	4.463.546.336	4.463.546.336	
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2017	889.061.785	889.061.785	
Tại ngày 31/12/2017	446.462.458	446.462.458	

**9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc tiền taxi	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Tạm ứng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Lan	1.220.000.000	1.240.400.000
Nguyễn Thị Thúy Hằng	26.855.901	12.827.400
Phạm Thị Chiến	97.565.000	-
Hồ Anh Dũng	113.675.000	-
Nguyễn Thị Lan Hương	77.000.000	-
Các đối tượng khác	44.000.000	57.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.579.095.901</b>	<b>1.310.227.400</b>

**11. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán**

Tài sản tài chính	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.943	1.807
<b>Cộng</b>	<b>1.943</b>	<b>1.807</b>

**12. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	797.305.215.600	1.503.846.240.000
<b>Cộng</b>	<b>797.305.215.600</b>	<b>1.503.846.240.000</b>

**13. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	1.239.426.723	17.301.139.092
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	1.239.426.723	17.298.425.796
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	-	2.713.296
2. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức ngân hàng thương mại quản lý	-	-
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	4.008.956	3.996.782
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	12.384.054	22.325.316
4.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	5.709.073	8.483.193
4.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	6.674.981	13.842.123
<b>Cộng</b>	<b>1.255.819.733</b>	<b>17.327.461.190</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Dược Việt Nam	-	121.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Hà	82.500.000	82.500.000
Công ty TNHH MTV Nam Nung	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước (DRH)	121.000.000	121.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Nung	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	-	137.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Akito	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An	36.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Á	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>349.500.000</b>	<b>537.000.000</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	40.513.106	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.145.649.958	1.276.376.830
Thuế thu nhập cá nhân	662.227.919	394.448.767
<b>Cộng</b>	<b>1.848.390.983</b>	<b>1.670.825.597</b>

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị	27.666.666	22.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.666.666</b>	<b>22.000.000</b>

**17. Phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế TNCN phải nộp cho người lao động	202.290.356	11.745.287
Phải trả, phải nộp khác	25.750	25.000
<b>Cộng</b>	<b>202.316.106</b>	<b>11.770.287</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**18. Phải trả Nhà đầu tư**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	1.255.819.733	17.327.461.190
- Nhà đầu tư trong nước	1.044.297.011	17.291.723.833
- Nhà đầu tư nước ngoài	211.522.722	35.737.357
<b>Cộng</b>	<b>1.255.819.733</b>	<b>17.327.461.190</b>

**19. Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	14.788.116.868	351.961.703
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.788.116.868</b>	<b>351.961.703</b>

**20. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	351.961.703	-
Lãi đã thực hiện năm nay	14.436.155.165	13.753.661.074
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	14.788.116.868	351.961.703
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-

**(\*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

**21. Cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Loại <= 1 năm	17.000.000	17.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.000.000</b>	<b>17.000.000</b>

**22. Tiền gửi của nhà đầu tư**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoạt động môi giới chứng khoán		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.239.426.723	17.301.139.092
<b>Cộng</b>	<b>1.239.426.723</b>	<b>17.301.139.092</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VII. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**

**1. Lãi từ tài sản tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	-	3.888.997
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	1.060.409	2.283.185
<b>Cộng</b>	<b>1.060.409</b>	<b>6.172.182</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	791.078.308	975.723.861
<b>Cộng</b>	<b>791.078.308</b>	<b>975.723.861</b>

**3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6.753.800.042	3.923.005.913
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	642.477.954
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	20.081.818	6.000.000
Chi phí các tài chính khác	6.407.242.815	3.372.236.059
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính	(7.343.509)	3.888.997
Chi dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	-	2.454.372
<b>Cộng</b>	<b>13.173.781.166</b>	<b>7.950.063.295</b>

**4. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	5.127.643.925	5.199.907.016
Chi phí vật tư văn phòng	290.908	3.784.589
Chi phí công cụ, dụng cụ	343.214.461	339.496.368
Chi phí khấu hao TSCĐ	461.784.104	428.614.447
Chi phí thuế, phí, lệ phí	389.944.680	496.929.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.992.615.901	2.107.085.002
Chi phí khác	1.523.018.937	1.583.830.458
<b>Cộng</b>	<b>9.838.512.916</b>	<b>10.159.647.205</b>



Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.687.107.015	3.437.844.473
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành</b>	<b>3.687.107.015</b>	<b>3.437.844.473</b>

**6. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động**

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	351.961.703	14.436.155.165	-	14.788.116.868
<b>Cộng</b>	<b>351.961.703</b>	<b>14.436.155.165</b>	<b>-</b>	<b>14.788.116.868</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu như sau:**

Thu nhập và chi phí, lãi hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thu nhập	41.135.556.262	35.301.216.047
Chi phí	26.699.401.097	21.547.554.973
Lãi	14.436.155.165	13.753.661.074
<b>Cộng</b>	<b>14.436.155.165</b>	<b>13.753.661.074</b>

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

*Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương Ban Tổng giám đốc	897.770.000	2.209.720.000
Thù lao Hội đồng quản trị	280.000.000	264.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.177.770.000</b>	<b>2.473.720.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

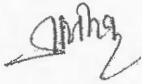
**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

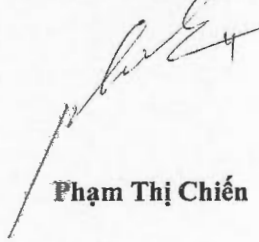
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập biểu



**Phạm Hồng Thương**

Kế toán trưởng



**Phạm Thị Chiến**

Tổng giám đốc



**Hồ Anh Dũng**



**Xác nhận của đại diện pháp luật của Công ty**



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Hải Dương*